

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý
Dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh
quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số
thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 03/9/2026, Sở Y tế đã ban hành Công văn số 8709/SYT-CCDS về việc xin góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đến ngày 14/9/2026, Sở Y tế nhận được 107 ý kiến góp ý của UBND các xã, phường và các Sở, ngành (Có văn bản góp ý kèm theo)

Ý kiến thống nhất với nội dung dự thảo kế hoạch: 99 xã, phường.

Các đơn vị có ý kiến góp ý, Sở Y tế tổng hợp, tiếp thu và giải trình như sau:

ST T	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình
1	Sở Tài chính (Công văn số 12411/STC-DPCS ngày 11/9/2026)	1. Về thời điểm chốt số liệu quy mô dân số Do tiêu chí về quy mô dân số tại các địa phương luôn có sự biến động, thay đổi theo từng thời điểm quy định; việc xác định chính xác các thông số này có tác động trực tiếp đến mức thù lao và dự toán kinh phí chi trả từ ngân sách nhà nước. Do đó, để đảm bảo tính pháp lý và có căn cứ đồng nhất khi áp dụng quy định, Sở Tài chính kính đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Tờ trình nội dung: Thời điểm chốt số liệu về quy mô dân số dùng làm căn cứ xác định mức thù lao được hưởng của cộng tác viên dân số tại các thôn, tổ dân phố là số liệu thực tế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm hoàn thành việc sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.	- Căn cứ vào điểm a, khoản 2 điều 11 Nghị định 168/NĐ-CP ngày 15/5/2026 thì chính sách chế độ cho cộng tác viên dân số được xây dựng dựa vào số “ hộ gia đình ” trên địa bàn mà cộng tác viên quản lý. Do vậy để xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Y tế căn cứ vào số hộ của từng thôn, bản, khu phố. Thời điểm chốt số hộ là sau khi thực hiện xong sắp xếp lại thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Nguồn số liệu được lấy từ “Nghị quyết HĐND 166 xã, phường” và công văn số 5487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 03/8/2026 của Sở Nội

		2. Về mức thù lao hằng tháng Tại khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định: “2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau: a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại”. 4. Nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này”. Tuy nhiên, tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, Sở Y tế đang xây dựng 04 mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số là 0,7; 0,6; 0,5; 0,4 lần mức lương cơ sở và chưa xây dựng quy định mức thù lao đối với trường hợp nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số, một trong những tiêu chuẩn của cộng tác viên dân số là: Ưu tiên những người đang làm công tác y tế thôn tham gia kiêm nhiệm cộng tác viên dân số. Ngày 17/7/2026, HĐND	vụ - Tiếp thu và chỉnh sửa lại tại khoản 3 điều 2 Dự thảo Nghị quyết.
--	--	--	---

		tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2026/NQ HĐND quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ cho hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó tại thôn, tổ dân phố có các chức danh tham gia hoạt động như Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội nông dân, Chi hội trưởng Chi hội cựu chiến binh, tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn được bố trí 01 cô đỡ thôn, bản. Đây là lực lượng thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển tại cơ sở, có điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ cộng tác viên dân số. Vì vậy, đề nghị Sở Y tế rà soát, nghiên cứu xây dựng thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số theo 2 mức và xác định thù lao đối với trường hợp nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ, qua đó sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại cơ sở và giảm gánh nặng cho ngân sách.	
2	Sở Nội vụ (Công văn số 6686/SNV-XDCQ&CTTN ngày 09/9/2026)	1. Về việc bố trí nhiệm vụ cộng tác viên dân số Tại điểm a khoản 1 Mục V dự thảo Tờ trình xác định tổng số cộng tác viên dân số là 1.933 người, trong đó: 74 người dự kiến hưởng mức 0,4 lần mức lương cơ sở; 1.575 người hưởng mức 0,5; 272 người hưởng mức 0,6 và 12 người hưởng mức 0,7. Trước đó, khi tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định giao số lượng người làm cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh¹, Sở Nội vụ đã đề nghị Sở Y tế chủ trì, phối hợp	- Tiếp thu bổ sung và sửa lại dự thảo

	với UBND các xã, phường rà soát kỹ nhu cầu thực tế của từng thôn, bản, tổ dân phố; đồng thời ưu tiên bố trí theo hình thức kiêm nhiệm đối với các chức danh, lực lượng hiện có tại thôn, bản, tổ dân phố đáp ứng tiêu chuẩn cộng tác viên dân số. Lý do: căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn của cộng tác viên dân số: Ưu tiên những người đang làm công tác y tế thôn tham gia kiêm nhiệm cộng tác viên dân số. Mặt khác, Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh³ đã quy định tại thôn, tổ dân phố có các chức danh người tham gia hoạt động như Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh; tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn được bố trí 01 cô đỡ thôn, bản. Đây đều là những lực lượng thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển tại cơ sở, có điều kiện thuận lợi để thực hiện kiêm nhiệm nhiệm vụ cộng tác viên dân số. Do đó, đề nghị Sở Y tế tiếp tục rà soát để ưu tiên bố trí người đủ tiêu chuẩn trong các lực lượng hiện có kiêm nhiệm cộng tác viên dân số, qua đó sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại cơ sở, hạn chế phát sinh thêm người hưởng chế độ từ ngân sách nhà nước. 2. Về mức thù lao hằng tháng đối với trường hợp kiêm nhiệm cộng tác viên dân số Điều 2 dự thảo Nghị quyết hiện quy định 04 mức thù lao bằng 0,4; 0,5; 0,6 và 0,7 lần mức lương cơ sở căn cứ theo địa bàn, quy mô số hộ gia đình nhưng chưa phân biệt trường hợp người thực hiện riêng nhiệm vụ cộng tác viên dân số với trường hợp nhân	- Tiếp thu và chỉnh sửa lại tại khoản 3 điều 2 Dự thảo Nghị quyết.
--	---	---

	viên y tế thôn, bản hoặc cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số. Lý do: căn cứ khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ⁴ quy định: Nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định này. Như vậy, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP đã quy định riêng mức thù lao đối với trường hợp kiêm nhiệm; theo đó mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức 0,5 hoặc 0,4 lần mức lương cơ sở tương ứng với từng địa bàn. Do đó, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu bổ sung tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết 01 khoản quy định riêng đối với trường hợp kiêm nhiệm theo hướng: “5. Trường hợp nhân viên y tế thôn, bản hoặc cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số thì mức thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm thực hiện theo khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.” Đồng thời, đề nghị Sở Y tế rà soát lại phương án xác định nhu cầu kinh phí, bảo đảm không áp dụng mức 0,6 hoặc 0,7 lần mức lương cơ sở đối với các trường hợp kiêm nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Trường hợp trong tổng số 1.933 cộng tác viên dân số có người thực hiện theo hình thức kiêm nhiệm nhưng dự toán vẫn tính chung theo các mức từ 0,4 đến 0,7 lần mức lương cơ sở căn cứ vào quy mô địa bàn thì có thể dẫn đến xác định nhu	- Tiếp thu bổ sung và sửa lại dự thảo Nghị quyết
--	--	---

		cầu kinh phí chưa phù hợp với quy định. 3. Về dự kiến nguồn lực, kinh phí thực hiện Tại điểm b khoản 1 Mục V dự thảo Tờ trình, kinh phí chi trả hằng năm được xác định trên cơ sở 1.933 cộng tác viên dân số, với tổng kinh phí 30 tỷ đồng/năm. Đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, rà soát lại phương án tính toán kinh phí sau khi xác định rõ cơ cấu người thực hiện riêng nhiệm vụ cộng tác viên dân số và người thực hiện theo hình thức kiêm nhiệm; trong đó, cần phân loại cụ thể: - Người thực hiện nhiệm vụ cộng tác viên dân số thuộc địa bàn hưởng mức 0,4 lần mức lương cơ sở. - Người thực hiện nhiệm vụ cộng tác viên dân số thuộc địa bàn hưởng mức 0,5 lần mức lương cơ sở. - Người không thuộc trường hợp kiêm nhiệm được đề xuất hưởng mức 0,6 lần mức lương cơ sở. - Người không thuộc trường hợp kiêm nhiệm được đề xuất hưởng mức 0,7 lần mức lương cơ sở. - Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số. - Các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số. Đối với các trường hợp kiêm nhiệm, việc xác định nhu cầu kinh phí phải bảo đảm mức thù lao không vượt quá giới hạn quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. 4. Về một số nội dung cụ thể của dự thảo Nghị quyết 4.1. Điều 2 về mức thù lao hằng tháng Đề nghị thống nhất cách thể hiện các mức thù lao trong toàn bộ dự thảo thành: “0,4 lần mức lương cơ sở/tháng”, “0,5 lần mức lương cơ sở/tháng”, “0,6 lần mức lương cơ sở/tháng”, “0,7 lần mức lương	
--	--	---	--

		cơ sở/tháng”. 4.2. Điều 3 về nguyên tắc thực hiện a) Điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “ a) Chi trả thù lao đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lặp với chính sách khác có cùng nội dung”; đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa thành: “a) Việc chi trả thù lao phải đúng đối tượng, đúng mức, công khai, minh bạch; không chi trả thù lao cộng tác viên dân số đối với cùng một nhiệm vụ”. Lý do: cụm từ “không trùng lặp với chính sách khác có cùng nội dung” chưa xác định rõ phạm vi và có thể dẫn đến cách hiểu người đang hưởng phụ cấp, hỗ trợ đối với chức danh khác tại thôn, tổ dân phố thì không được hưởng thù lao khi kiêm nhiệm cộng tác viên dân số. Trong khi đó, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP đã quy định nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn được kiêm cộng tác viên dân số và hưởng thù lao đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm. Vì vậy, cần quy định rõ để tránh phát sinh cách hiểu, cách áp dụng khác nhau đối với trường hợp người đang giữ chức danh theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND đồng thời được bố trí kiêm nhiệm cộng tác viên dân số. b) Tại điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo quy định: “Cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố được hưởng thù lao hằng tháng khi thực hiện nhiệm vụ theo phân công, đúng quy định và thời gian tham gia thực tế”; đề nghị nghiên cứu bỏ cụm từ “và thời gian tham gia thực tế”. Lý do: Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng; trong khi dự thảo chưa xác định “thời gian tham gia thực tế” được tính theo ngày, buổi, số	
--	--	---	--

[illegible]

		lao từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 sẽ được chi trả vào năm 2027”. Việc chưa bố trí đủ kinh phí không phải là điều kiện mà khoản 1 Điều 15 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP đặt ra để cộng tác viên tiếp tục hưởng mức hiện hưởng. Theo quy định của Nghị định, chỉ cần thuộc trường hợp mức thù lao mới cao hơn mức hiện hưởng thì tiếp tục hưởng mức cũ đến hết năm 2026 và thanh toán phần chênh lệch vào năm 2027. Do đó, nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo là không cần thiết. 3. Về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản Theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện việc truyền thông dự thảo văn bản và đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. Vì vậy, đề nghị Sở Y tế thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định.	- Tiếp thu và thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
4	UBND xã Lưu Vệ (Công văn số 2730/UBND-VXXH ngày 08/9/2026)	Tại Điều 2 (Mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số): Dự thảo quy định mức thù lao căn cứ theo tiêu chí số lượng hộ gia đình tại từng thôn, bản, tổ dân phố. Đề nghị bổ sung quy định hoặc hướng dẫn rõ về cơ quan/đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, thẩm định và chốt số liệu quy mô hộ gia đình (ví dụ: Công an cấp xã phối hợp rà soát theo dữ liệu dân cư) làm căn cứ áp dụng mức thù lao cho từng địa bàn. Tại Điều 4 (Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp): Đối với quy định cho phép chi trả truy lĩnh	Số liệu hộ gia đình được chốt đến thời điểm sau khi thực hiện xong sắp xếp lại thôn trên địa bàn xã. Nguồn số liệu được lấy từ “Nghị quyết HĐND xã Lưu Vệ (Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/6/2026) và đã rà soát, so sánh với số liệu tại công văn số 5487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 03/8/2026 của Sở Nội vụ Thực hiện việc chi trả phần chênh lệch mức thù lao phát sinh từ

		phần chênh lệch thù lao từ ngày 01/7/2026 sang năm 2027 (trong trường hợp năm 2026 chưa bố trí kịp kinh phí), đề nghị quy định rõ mốc thời gian hoàn thành việc chi trả truy lĩnh muộn nhất trong Quý I năm 2027. Quy định này sẽ giúp chính quyền cấp xã, phường chủ động trong công tác lập dự toán, phân bổ ngân sách và kịp thời giải đáp, tạo sự an tâm cho đội ngũ cộng tác viên dân số tại cơ sở.	ngày 01/7/2026 sang năm 2027 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hạch toán, thanh toán và quyết toán theo quy định hiện hành.
5	UBND xã Luận Thành (Công văn số 2225/UBND-VXXH ngày 04/9/2026)	UBND xã Luận Thành có góp ý sau: Về việc bổ sung cơ chế trang thiết bị, công cụ làm việc thiết yếu cho cộng tác viên (Căn cứ theo Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BYT) Dự thảo Nghị quyết hiện tại chỉ tập trung quy định về mức thù lao hằng tháng. Tuy nhiên, qua thực tiễn đi tuyên truyền, vận động nhân dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đội ngũ CTV dân số của chúng tôi gặp rất nhiều trở ngại về điều kiện thời tiết, đi lại. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BYT, mỗi CTV cần được trang bị các dụng cụ làm việc như túi truyền thông, loa cầm tay, đèn pin, áo mưa... phù hợp với điều kiện địa phương. Công việc của CTV dân số không chỉ là ngồi ghi chép sổ sách mà phải "đi từng ngõ, gõ từng nhà", nhất là trong các chiến dịch truyền thông dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tầm soát bệnh tật. UBND xã đề nghị bổ sung một điều khoản hoặc có văn bản hướng dẫn đi kèm Nghị quyết để tính toán nguồn kinh phí hỗ trợ một lần hoặc định kỳ mua sắm các công cụ làm việc tối thiểu (như áo mưa, đèn pin, túi đựng tài liệu tuyên truyền) cho 1.933 CTV trên toàn tỉnh. Việc này không chỉ giúp bảo đảm sức khỏe cho anh chị em khi làm nhiệm vụ ngoài trời mà còn tạo sự chuyên nghiệp, chính quy	Phạm vi điều chỉnh được quy định tại khoản 1, điều 1 của dự thảo Nghị quyết: “Quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”. Do vậy các nội dung khác không được đề cập tại dự thảo này.

		trong bộ máy làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở.	
6	UBND xã Định Tân (Công văn số 2354/UBND-VXXH ngày 11/9/2026)	1. Về mức thù lao hàng tháng - UBND xã cơ bản thống nhất với việc dự thảo quy định mức thù lao theo 04 mức: 0,4; 0,5; 0,6 và 0,7 lần mức lương cơ sở, tương ứng với quy mô số hộ gia đình và đặc điểm địa bàn. - Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cân nhắc mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở là mức phổ biến đối với cộng tác viên dân số, bởi nhiệm vụ của cộng tác viên dân số hiện nay ngày càng mở rộng, không chỉ thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình mà còn tham gia tuyên truyền, vận động về quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, cập nhật thông tin dân số và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ dân số tại cộng đồng. - Đề nghị trong quá trình hoàn thiện Nghị quyết quan tâm bảo đảm mức thù lao phù hợp với khối lượng công việc thực tế, tạo điều kiện duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số ổn định, lâu dài tại thôn, tổ dân phố. 2. Về tiêu chí xác định mức thù lao theo số hộ gia đình Đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, bổ sung hoặc làm rõ thời điểm và căn cứ xác định số hộ gia đình để làm cơ sở xác định mức thù lao, nhất là trong trường hợp địa phương thực hiện sáp nhập, điều chỉnh địa giới, sắp xếp thôn, tổ dân phố hoặc số hộ gia đình biến động trong năm.	Sở Y tế căn cứ vào các quy định tại Nghị định 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 và ý kiến góp ý của Sở Tài chính để hoàn thiện lại dự thảo Nghị quyết đảm bảo mức thù lao của cộng tác viên theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Số liệu hộ gia đình được chốt đến thời điểm sau khi thực hiện xong sắp xếp lại thôn trên địa bàn xã. Nguồn số liệu được lấy từ “Nghị quyết HĐND xã Định Tân (nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/6/2026) và đã rà soát, so sánh với số liệu tại công văn số 5487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 03/8/2026 của Sở Nội vụ
7	UBND xã Thiên Phú (Công văn số 1887/UBND-VXXH ngày	Về tiêu chí xác định mức thù lao đề nghị làm rõ: Số hộ gia đình được xác định theo số liệu nào: số liệu quản lý dân cư, số liệu thống kê của ngành dân số, số liệu do Công	Số liệu hộ gia đình được chốt đến thời điểm sau khi thực hiện xong sắp xếp lại thôn trên địa bàn xã. Nguồn

	09/9/2026)	an cấp xã quản lý hay số liệu rà soát thực tế tại địa bàn; Thời điểm chốt số hộ gia đình để làm căn cứ xác định mức thù lao hằng năm; Cơ quan có thẩm quyền xác nhận số hộ gia đình của thôn, bản, tổ dân phố.	số liệu được lấy từ “Nghị quyết HĐND xã Thiên Phú (nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 23/6/2026) và đã rà soát, so sánh với số liệu tại công văn số 5487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 03/8/2026 của Sở Nội vụ
8	UBND phường Bim Sơn (Công văn số 4340/UBND-VXXH ngày 08/9/2026)	- Về mức thù lao hằng tháng: Cơ bản thống nhất với việc quy định các mức thù lao theo quy mô số hộ gia đình của thôn, bản, tổ dân phố. Tuy nhiên, đề nghị làm rõ căn cứ và thời điểm xác định số hộ gia đình để làm cơ sở xác định mức thù lao; đồng thời quy định cách xử lý trong trường hợp số hộ gia đình có biến động trong năm hoặc địa bàn thôn, bản, tổ dân phố có thay đổi do sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính. - Về các tiêu chí xác định mức thù lao: Đề nghị rà soát, làm rõ các trường hợp được hưởng mức thù lao bằng 0,5 mức lương cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, nhất là tiêu chí “thôn, bản đặc biệt khó khăn” và “thôn, bản tại các xã vùng khó khăn”, để bảo đảm cách hiểu và áp dụng thống nhất giữa các địa phương.	Số liệu hộ gia đình được chốt đến thời điểm sau khi thực hiện xong sắp xếp lại tổ dân phố trên địa bàn phường. Nguồn số liệu được lấy từ “Nghị quyết HĐND phường Bim Sơn (Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/6/2026) và đã rà soát, so sánh với số liệu tại công văn số 5487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 03/8/2026 của Sở Nội vụ Mức thù lao bằng 0,5 mức lương cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết xây dựng theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 11 Nghị định 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026. Số “thôn, bản đặc biệt khó khăn” và “thôn, bản tại các xã vùng khó khăn”, được quy định tại Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 và Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa

SỞ Y TẾ./.